

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 579/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã H, huyện G, tỉnh K; tạm trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Lương Hoàng N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trương Ngọc T trình bày:*

Sau thời gian tìm hiểu, bà Trương Ngọc T và ông Lương Hoàng N tiến đến hôn nhân, hai người tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2010. Bà T và ông N đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thương yêu và quan tâm lẫn nhau.

Sau khi bà T sinh con, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, ông N không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Từ năm 2019 đến nay, bà T không còn sống chung với ông N. Mặc dù gia đình hai bên khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông N không thay đổi, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Lương Hoàng N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trương Ngọc T và ông Lương Hoàng N có 01 con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 29/5/2011. Bà Trương Ngọc T yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ngọc T không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Lương Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Bà Trương Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Lương Hoàng N.

Về con chung: Bà Trương Ngọc T yêu cầu Tòa án giao con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 29/5/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Bà Trương Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Ngọc T được ly hôn với ông Lương Hoàng N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 29/5/2011 cho bà Trương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông Lương Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Ngọc T không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Ngọc T yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Lương Hoàng N, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Hiện tại, ông Lương Hoàng N đang cư trú tại ấp P, xã

P, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lương Hoàng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc T và ông Lương Hoàng N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã B, tỉnh B vào ngày 28/7/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Trương Ngọc T cho rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tính tình không hợp nhau, ông N không quan tâm chăm sóc cho gia đình nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ ông N tham gia tố tụng nhưng ông N không có mặt, điều đó cho thấy ông N cũng không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà T. Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2022 thể hiện bà T và ông N không còn sống chung với nhau, mâu thuẫn cụ thể thì chính quyền địa phương không rõ. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông N không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trương Ngọc T và ông Lương Hoàng N có 01 con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 29/5/2011. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu Tòa án giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ngọc T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc T đối với ông Lương Hoàng N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc T được ly hôn với ông Lương Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lương Hoàng K, sinh ngày 29/5/2011 cho bà Trương Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lương Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trương Ngọc T và ông Lương Hoàng N đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005336 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huỳnh**